

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 25-12-2020  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Xuôi.

Ông Nguyễn Thành Công.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hồng Nhung – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Tính – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 341/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Lâm Thị Thanh L, sinh năm: 1993 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: ấp I, xã PT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh.

***- Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1986 (*Vắng mặt không lý do*).

Địa chỉ: ấp 9, xã ATA, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Trong đơn khởi kiện đề ngày 22-9-2020, bản tự khai ngày 30-10-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lâm Thị Thanh L trình bày:***

***Về hôn nhân:*** Chị và anh Nguyễn Văn Th đi đến hôn nhân do tự quen nhau, hai bên gia đình đồng ý, tiến hành lễ cưới vào năm 2013, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh vào ngày 04-10-2013. Nữ trang ngày cưới có đôi bông tai 01 chỉ 24K, nhưng quá trình chung sống đã bán để lo cho mẹ chồng lúc bị tai nạn té gãy xương nên hiện không còn. Sau ngày cưới, sống chung gia đình cha mẹ của chị. Chung sống hạnh phúc được khoảng một tháng. Từ khoảng tháng 01 năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh Th

không chăm lo làm ăn mà thường xuyên ăn nhậu say xỉn, chị nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh không thay đổi, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Cũng từ đó anh Th đã rời khỏi nhà chị về ở bên quê chồng tại ấp 9, xã ATA, huyện C, tỉnh Trà Vinh và sống ly thân với chị cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh Th không hàn gắn lại được. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

*Về con chung, tài sản chung, nợ chung phải thu, phải trả:* Chị và anh Nguyễn Văn Th không có con chung; không có tài sản chung; không nợ chung của ai, cũng không ai nợ chung của chị với anh Th, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa hôm nay,* chị Lâm Thị Thanh L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên không có lời trình bày.

*\* Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Th:* Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng, nhưng anh Th đều vắng mặt không lý do, do đó Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Qua xác minh với chính quyền địa phương ấp 9, xã ATA, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho biết từ trước đến nay anh Th có hộ khẩu thường trú và hiện vẫn đang sinh sống cùng nhà với mẹ ruột là bà Đinh Thị T tại ấp 9, xã ATA, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Th đến tham dự phiên tòa xét xử vụ án lần thứ hai, nhưng anh Th tiếp tục vắng mặt, không có lời khai, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị Thanh L: Cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th. Về con chung: không có. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định không có; anh Th không có ý kiến trình bày, nên chưa có cơ sở xem xét giải quyết. Ngoài ra, Vị đề nghị nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Lâm Thị Thanh L là nguyên đơn trong vụ án có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt do bận công việc gia đình, không có mặt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L theo luật định. Đối với anh Nguyễn Văn Th là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án nhân dân huyện C tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập nhiều lần đến tham dự các phiên làm việc tại Tòa, nhưng anh Th đều vắng mặt không lý do. Ngày 16-12-2020, Tòa án triệu tập hợp lệ anh để tham gia phiên tòa xét xử vụ án vào lúc 07 giờ 30 phút tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C nhưng anh Th vắng mặt không lý do. Ngày 25-12-2020, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với anh Th để tham gia phiên tòa xét xử vụ án vào lúc 07 giờ 30 phút tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C nhưng anh Th vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Văn Th.

[2] *Về hôn nhân*: Xét thấy chị Lâm Thị Thanh L và anh Nguyễn Văn Th xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh vào ngày 04-10-2013, nên hôn nhân của chị L, anh Th là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị L cho rằng nguyên nhân do anh Th sống không quan tâm đến gia đình, không chăm lo làm ăn mà thường xuyên say xỉn và sống ly thân với chị L từ khoảng tháng 01 năm 2014 đến nay mà vợ chồng không hàn gắn lại được. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân của vợ chồng đã kéo dài, nên chị L cương quyết xin được ly hôn với anh Th. Đối với anh Nguyễn Văn Th theo xác minh của Tòa án với chính quyền địa phương ấp 9, xã ATA và với người thân trong gia đình anh, thì hiện tại anh Th vẫn đang cư trú tại địa phương, anh Th biết việc chị L xin ly hôn với anh, đồng thời người nhà của anh Th xác nhận có chuyển cho anh các văn bản tố tụng của Tòa án như thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên đối chất,... nhưng anh không đến Tòa, không cung cấp lời khai, cũng không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh tình trạng hôn nhân giữa anh với chị L. Anh không thể hiện thiện chí về việc mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị L.

[3] Xét thấy gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Do đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Chị L, anh Th xác lập hôn nhân

vào năm 2013, vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ được thời gian ngắn (khoảng một tháng). Quá trình sống chung, có những lúc chưa thống nhất về quan điểm cuộc sống, về cách ứng xử giao tiếp với nhau, đáng lẽ ra anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi bản thân, xử sự cho có lý, có tình, cùng góp ý, tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề phát sinh trong cuộc sống hôn nhân một cách tốt đẹp nhất, để bảo vệ hạnh phúc gia đình. Nhưng khi có bất đồng xảy ra, vợ, chồng không hài hòa về cách cư xử của bản thân, đã tự ý sống ly thân nhau, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và dần mất đi.

[4] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,...*”, nhưng chị L, anh Th đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau. Hiện tại, anh chị mỗi người mỗi việc, sống ở hai nơi khác nhau, không còn quan tâm, cũng không liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[5] Theo các Biên bản tiếp xúc và xác minh cùng ngày 30-11-2020 của Tòa án với chính quyền địa phương ấp 9 - xã ATA, với bà Đinh Thị T (mẹ ruột của anh Th) và với người dân địa phương cho biết: Sau ngày cưới, chị L, anh Th sống chung bên quê của chị L tại ở ấp I, xã PT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh, tuy không biết cụ thể mâu thuẫn trong cuộc sống chung giữa chị L, anh Th, nhưng có biết giữa vợ chồng chị L, anh Th có xảy ra cự cãi với nhau, thấy vợ chồng họ đã không còn sống chung với nhau thời gian dài và chị L từ trước đến nay rất ít khi về bên quê chồng. Hai anh chị này không có con chung. Còn về tài sản chung hay nợ chung thì hiện tại không ai có tranh chấp hay khiếu nại gì đối với chị L, anh Th.

[6] Tòa án đã tiến hành mời hòa giải vào các ngày 30-10-2020, 16-11-2020 để chị L, anh Th có cơ hội gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người, nhưng anh Th đều vắng mặt không lý do.

[7] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng chị Lan, anh Thơm đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết ly hôn với anh Th là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu, cho chị L được ly hôn với anh Th.

[8] *Về con chung, tài sản chung và về nợ chung phải thu, phải trả:* Chị Lâm Thị Thanh L xác định quá trình chung sống chị và anh Nguyễn Văn Th không có con chung; không tạo lập tài sản chung; không nợ ai, cũng không ai nợ chị và anh Th, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đối với anh Th đều vắng mặt không lý do tại các phiên mời làm việc tại Tòa án, nên không có lời trình bày của anh về xác định tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chưa có cơ sở xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

[9] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Chị Lâm Thị Thanh L có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 54, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị Thanh L.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Lâm Thị Thanh L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

**2. Về con chung:** Chị Lâm Thị Thanh L và anh Nguyễn Văn Th không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**3. Về tài sản chung:** Chị Lâm Thị Thanh L và anh Nguyễn Văn Th chưa có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

**4. Về nợ chung:** Chị Lâm Thị Thanh L và anh Nguyễn Văn Th chưa có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

**5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Chị Lâm Thị Thanh L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị L đã nộp theo Biên lai số AA/2020/0003652 ngày 06-10-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã PT, huyện CK;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Thảo**